

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

ĐỊA CHỈ: 6 LÊ THÁNH TÔN, P.BẾN NGHÉ, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	
		Từ 01/01/2009 đến 31/03/2009	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33.069.159.656	(145.096.874.110)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	32.779.748.358	119.969.549.770
- Các khoản dự phòng	03	5.706.354.294	215.379.804.233
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		14.123.423.580
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.948.637.031)	111.149.765.547
- Chi phí lãi vay	06	14.497.784.223	59.937.423.125
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	82.104.409.500	375.463.092.144
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(62.562.823.890)	192.829.807.378
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	763.366.297	(19.236.634.779)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	32.101.952.378	580.962.315
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(23.690.422.833)	(21.722.491.967)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(15.341.510.894)	(56.724.915.625)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.254.247.306)	(52.871.466.750)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	88.107.341.176	145.502.116.395
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(49.146.424.964)	(212.098.807.997)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>51.081.639.463</b>	<b>351.721.661.115</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(39.548.865.484)	(819.050.944.523)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		50.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.477.445.779)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		44.900.974.643
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.389.227.075)	(539.477.504.641)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	65.731.017.009	370.557.582.768
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.039.683.392	114.086.438.284
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>23.832.607.842</b>	<b>(846.410.717.430)</b>

**Cho quý 1 năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2009**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Năm trước
		Từ 01/01/2009 đến 31/03/2009	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	18.746.184.101	551.274.229.744
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(32.220.900.000)	(93.087.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.922.423.064)	(5.388.731.082)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(58.896.439.500)
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số	37		(9.002.147.620)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(15.397.138.963)</b>	<b>384.899.911.542</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>59.517.108.342</i>	<i>(109.789.144.773)</i>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>172.153.997.594</b>	<b>275.754.725.315</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(8.654.744.845)</b>	<b>6.188.417.052</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>223.016.361.091</b>	<b>172.153.997.594</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2009

---

**Trương Như Nguyên**  
Người lập biểu

---

**Nguyễn Minh Nguyệt**  
Kế toán trưởng

---

**Đỗ Văn Minh**  
Tổng Giám đốc